

Số: 116 /TTr-UBND

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc bổ sung dự toán kinh phí năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị
để thực hiện nhiệm vụ tham mưu xây dựng Nghị quyết sửa đổi
Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng
Khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 19

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của HĐND thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 và Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị; ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND thành phố tại Công văn số 71/HĐND-KTNS ngày 17/4/2024 và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1888/STC-HCSN ngày 20/6/2024; UBND thành phố kính trình HĐND thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 19 xem xét, quyết định bổ sung dự toán kinh phí năm 2024 để thực hiện nhiệm vụ tham mưu xây dựng Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội với số tiền 3.028.410.000 đồng (Ba tỷ, không trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm mười nghìn đồng) từ nguồn chi thường xuyên khác ngân sách thành phố năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị, cụ thể như sau:

- | | |
|----------------------------------|---------------------|
| 1. Sở Khoa học và Công nghệ: | 573.400.000 đồng |
| 2. Sở Công Thương: | 1.200.000.000 đồng |
| 3. Sở Thông tin và Truyền thông: | 214.600.000 đồng |
| 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: | 1.040.410.000 đồng. |

(Kèm theo Phụ lục tổng hợp và 04 Phụ lục chi tiết)

UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét, quyết định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND thành phố khóa X;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Các Ủy viên UBND thành phố;
- Sở Tài chính và các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Kỳ Minh

Phụ lục

TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐẢM BẢO THAM MUÙ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI NGHỊ QUYẾT SỐ 119/2020/QH14 NGÀY 19/6/2020 CỦA QUỐC HỘI



(Kèm theo Tờ trình số 116 /TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2024
của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Đồng

STT	Tên đơn vị	Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	3.028.410.000	
1	Sở Khoa học và Công nghệ	573.400.000	Phụ lục I
2	Sở Công thương	1.200.000.000	Phụ lục II
3	Sở Thông tin và Truyền thông	214.600.000	Phụ lục III
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.040.410.000	Phụ lục IV

Ghi chú: Theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị cụ thể như sau:

- Sở Khoa học và Công nghệ: Công văn số 729/SKHCN-KHTC ngày 26/4/2024;
- Sở Công Thương: Công văn số 1068/SCT-KHTCTH ngày 04/5/2024;
- Sở Thông tin và Truyền thông: Công văn số 1177/STTTT-ĐTHTS ngày 27/5/2024;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Công văn số 1516/SKHĐT-TH&HTQT ngày 03/6/2024.



**KINH PHÍ ĐẢM BẢO THAM MUỖ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI
NGHỊ QUYẾT SỐ 119/2020/QH14 NGÀY 19/6/2020 CỦA QUỐC HỘI**

(Kèm theo Tờ trình số 116 /TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐƠN VỊ: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị				Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá		
TỔNG CỘNG (A+B)							
A	Buổi làm việc với Bộ KH&CN, KHĐT và các địa phương (dự kiến 10 đợt)					573.400.000	573.400.000
	Kinh phí tổ chức 01 buổi làm việc với Bộ KH&CN, Bộ KH&ĐT (Dự kiến 10 đợt)					413.800.000	413.800.000
						308.000.000	
1	Thuê phòng khách sạn	Phòng/đêm	3	1	900.000	2.700.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính, NQ 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND TP
2	Công tác phí: 4 người x 2 ngày x 200.000đ/người/ngày	Người	4	2	200.000	1.600.000	
3	Tiền vé máy bay khứ hồi tham dự buổi làm việc tại Hà Nội	Người	4		5.000.000	20.000.000	Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
4	Tiền thuê xe di chuyển	xe	1	2	2.500.000	5.000.000	
5	Chi phí in tài liệu buổi làm việc	Bộ	30		50.000	1.500.000	Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
	Tổng kinh phí 01 đợt					30.800.000	
	Kinh phí tổ chức 01 buổi làm việc với các địa phương có chính sách nổi bật về hoạt động KH&CN (Dự kiến 02 đợt)					105.800.000	
1	Thuê phòng khách sạn	Phòng/đêm	4	1	900.000	3.600.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính, NQ 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND TP
2	Công tác phí: 7 người x 2 ngày x 200.000đ/người/ngày	Người	7	2	200.000	2.800.000	
3	Tiền vé máy bay khứ hồi tham dự buổi làm việc	Người	7		5.000.000	35.000.000	Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
4	Tiền thuê xe di chuyển	xe	2	2	2.500.000	10.000.000	
5	Chi phí in tài liệu buổi làm việc	Bộ	30		50.000	1.500.000	Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
	Tổng kinh phí 01 đợt					52.900.000	
B	Kinh phí xây dựng các Chuyên đề					159.600.000	159.600.000
I	Chuyên đề 1: Chính sách miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển nhượng cổ phần, vốn góp, quyền góp vốn, lương, tiền công chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức KH&CN, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố					39.272.728	39.272.728

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị				Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền	
1	Nghiên cứu vấn đề pháp lý, các quy định ưu đãi và các vướng mắc, bất cập phát sinh					21.818.182	
	Nội dung nghiên cứu: 1. Vấn đề pháp lý về các quy định ưu đãi: - Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức KH&CN, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn thành phố. - Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp của các cá nhân, tổ chức trong thời hạn 5 năm kể từ khi có khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố. - Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ lương, tiền công chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo làm việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức KH&CN, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố. 2. Các vướng mắc bất cập về cơ sở pháp lý và thực tiễn triển khai tại thành phố						
		Thành viên chính	1	0,7		10.909.091	
		Thành viên	2	0,7		10.909.091	
2	Nghiên cứu đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề và các kiến nghị, đề xuất xây dựng cơ chế đặc thù áp dụng tại địa phương					17.454.546	
	Nội dung nghiên cứu: - Mục tiêu giải quyết vấn đề - Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề - Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan - Kiến nghị, đề xuất với cơ quan hữu quan						
		Thành viên chính	1	0,5		8.727.273	
		Thành viên	2	0,5		8.727.273	
II	Chuyên đề 2: Cho phép thử nghiệm có kiểm soát dưới hình thức cấp phép có thời hạn trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, không gian đổi mới sáng tạo do ngân sách Thành phố đầu tư					34.909.092	34.909.092
1	Nghiên cứu vấn đề pháp lý, các quy định ưu đãi và các vướng mắc, bất cập phát sinh					17.454.546	
	Nội dung nghiên cứu: 1. Vấn đề pháp lý về các quy định ưu đãi Cho phép thử nghiệm có kiểm soát dưới hình thức cấp phép có thời hạn trong Khu công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin tập trung, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, không gian đổi mới sáng tạo do ngân sách Thành phố đầu tư 2. Các vướng mắc bất cập về cơ sở pháp lý và thực tiễn triển khai tại thành phố						
		Thành viên chính	1	0,5		8.727.273	

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		
		Thành viên	2	0,5		8.727.273		
2	Nghiên cứu đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề và các kiến nghị, đề xuất xây dựng cơ chế đặc thù áp dụng tại địa phương					17.454.546		
	Nội dung nghiên cứu: - Mục tiêu giải quyết vấn đề - Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề - Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan - Kiến nghị, đề xuất với cơ quan hữu quan							
		Thành viên chính	1	0,5		8.727.273		
		Thành viên	2	0,5		8.727.273		
III	Chuyên đề 3: Hỗ trợ không hoàn lại từ nguồn ngân sách Thành phố chi phí phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo gồm: chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo					34.909.091	34.909.091	
1	Nghiên cứu vấn đề pháp lý, các quy định ưu đãi và các vướng mắc, bất cập phát sinh					17.454.546		
	Nội dung nghiên cứu: 1. Vấn đề pháp lý về các quy định ưu đãi Hỗ trợ không hoàn lại từ nguồn ngân sách Thành phố chi phí phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo gồm: chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 2. Các vướng mắc bất cập về cơ sở pháp lý và thực tiễn triển khai tại thành phố							
		Thành viên chính	1	0,5		8.727.273		
		Thành viên	2	0,5		8.727.273		
2	Nghiên cứu đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề và các kiến nghị, đề xuất xây dựng cơ chế đặc thù áp dụng tại địa phương					17.454.545		
	Nội dung nghiên cứu: - Mục tiêu giải quyết vấn đề - Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề - Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan - Kiến nghị, đề xuất với cơ quan hữu quan							

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		
		Thành viên chính	1	0,5		8.727.273		
		Thành viên	2	0,5		8.727.273		
IV	Chuyên đề 4: Xây dựng Chuyên đề Đề xuất về cơ chế cho phép việc đầu tư, quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo							
1	Nghiên cứu vấn đề pháp lý, các quy định ưu đãi và các vướng mắc, bất cập phát sinh						34.909.091	34.909.091
	Nội dung nghiên cứu: 1. Vấn đề pháp lý về các quy định ưu đãi: - Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố - Nhu cầu sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo của các thành tố trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo 2. Các vướng mắc bất cập về cơ sở pháp lý và thực tiễn triển khai tại thành phố						17.454.545	
		Thành viên chính	1	0,5		8.727.273		
		Thành viên	2	0,5		8.727.273		
2	Nghiên cứu đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề và các kiến nghị, đề xuất xây dựng cơ chế đặc thù áp dụng tại địa phương						17.454.545	
	Nội dung nghiên cứu: - Mục tiêu giải quyết vấn đề - Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề - Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan - Kiến nghị, đề xuất với cơ quan hữu quan							
		Thành viên chính	1	0,5		8.727.273		
		Thành viên	2	0,5		8.727.273		
V	Thủ lao chủ nhiệm nhiệm vụ						12.000.000	12.000.000
VI	Thủ lao thư ký nhiệm vụ						3.600.000	3.600.000
VII	Xây dựng báo cáo tổng kết (Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký thực hiện, đã tính trong thủ lao của chủ nhiệm và thư ký)						0	0

Ghi chú: (*) Kinh phí xây dựng các chuyên đề thực hiện theo Nghị quyết số 85/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố ban hành các quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Phụ lục II

KINH PHÍ ĐẢM BẢO THAM MUÙ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI
NGHỊ QUYẾT SỐ 119/2020/QH14 NGÀY 19/6/2020 CỦA QUỐC HỘI

(Kèm theo Tờ trình số 116 /TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐƠN VỊ: SỞ CÔNG THƯƠNG

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	Ghi chú
		Đơn vị	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)					1.200.000.000	1.200.000.000	
A	Kinh phí xây dựng các Chuyên đề					190.080.000	190.080.000	(*)
I	Chuyên đề: Xây dựng cơ chế, chính sách đề xuất Quốc hội cho phép Thành phố được thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì mục đích quốc gia, công cộng đối với dự án Trung tâm logistics					95.040.000	95.040.000	
1	Đánh giá tình hình thực tế triển khai ở địa phương; các khó khăn, vướng mắc, bất cập					20.480.000		
	Thành viên chính		1	0,8		10.240.000		
	Thành viên		2	0,8		10.240.000		
2	Mục tiêu giải quyết vấn đề và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề					25.600.000		
a	Mục tiêu giải quyết vấn đề					12.800.000		
	Thành viên chính		1	0,5		6.400.000		
	Thành viên		2	0,5		6.400.000		
b	Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề					12.800.000		
	Thành viên chính		1	0,5		6.400.000		
	Thành viên		2	0,5		6.400.000		
3	Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và các đối tượng liên quan					12.800.000		
	Thành viên chính		1	0,5		6.400.000		
	Thành viên		2	0,5		6.400.000		
4	Lộ trình triển khai thực hiện; Kiến nghị, đề xuất (bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù)					12.800.000		
	Thành viên chính		1	0,5		6.400.000		
	Thành viên		2	0,5		6.400.000		
5	Thủ tục cho Chủ nhiệm và Thư ký để thực hiện tất cả các nội dung trên (từ mục 1 đến mục 4)					23.360.000		
	Chủ nhiệm		1	1,0		20.000.000		
	Thư ký		1	0,7		3.360.000		

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	Ghi chú
		Đơn vị	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		
II	Chuyên đề: Xây dựng cơ chế, chính sách đề xuất Quốc hội cho phép tổ chức sự nghiệp công lập được giao quản lý và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đã được đầu tư công thì được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và được cho thuê lại đất					95.040.000	95.040.000	
1	Đánh giá tình hình thực tế triển khai ở địa phương; các khó khăn, vướng mắc, bất cập					20.480.000		
	Thành viên chính		1	0,8		10.240.000		
	Thành viên		2	0,8		10.240.000		
2	Mục tiêu giải quyết vấn đề và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề					25.600.000		
a	Mục tiêu giải quyết vấn đề					12.800.000		
	Thành viên chính		1	0,5		6.400.000		
	Thành viên		2	0,5		6.400.000		
b	Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề					12.800.000		
	Thành viên chính		1	0,5		6.400.000		
	Thành viên		2	0,5		6.400.000		
3	Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và các đối tượng liên quan					12.800.000		
	Thành viên chính		1	0,5		6.400.000		
	Thành viên		2	0,5		6.400.000		
4	Lộ trình triển khai thực hiện; Kiến nghị, đề xuất (bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù)					12.800.000		
	Thành viên chính		1	0,5		6.400.000		
	Thành viên		2	0,5		6.400.000		
5	Thủ lao cho Chủ nhiệm và Thư ký để thực hiện tất cả các nội dung trên (từ mục 1 đến mục 4)					23.360.000		
	Chủ nhiệm		1	1,0		20.000.000		
	Thư ký		1	0,7		3.360.000		
B	Buổi làm việc với các Bộ, ngành Trung ương (Dự kiến 20 đợt)					676.000.000	676.000.000	
	Kinh phí 01 chuyến					33.800.000		
1	Vé máy bay khứ hồi (4 người, 3 ngày, 02 đêm)	Người	4		5.500.000	22.000.000		Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
2	Thuê phòng khách sạn	3 Phòng/đêm	6		900.000	5.400.000		

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị				Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	Ghi chú
		Đơn vị	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền	
3	Công tác phí	Ngày	12		200.000	2.400.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính, Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND TP
4	Thuê xe đi lại	Ngày	2		2.000.000	4.000.000	Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
C	Buổi tọa đàm tại Hà Nội					174.300.000	174.300.000
1	Tiền vé máy bay khứ hồi (Đại diện lãnh đạo HĐND, UBND, Sở Công Thương) (8 người, 3 ngày, 2 đêm)	Vé	8		6.000.000	48.000.000	Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
2	Thuê phương tiện đi lại	Xe/02 ngày	2		3.000.000	6.000.000	Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
3	Thuê phòng khách sạn	8 Phòng/Đêm/02 đêm	16		1.000.000	16.000.000	Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính, Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND TP
4	Công tác phí	Ngày	24		200.000	4.800.000	
5	Chi phí thuê Hội trường, âm thanh, ánh sáng, màn hình Led, backdrop, băng rôn, standy...	Gói	1		25.000.000	25.000.000	
6	Chi phí in ấn giấy mời, bảng tên, gửi EMS...	Gói	1		10.000.000	10.000.000	
7	Hoa trang trí hội trường	Lăng, chậu	7		500.000	3.500.000	
8	Chi nước uống giữa giờ	người/buổi	80		20.000	1.600.000	Nghị quyết số 240/2019/HĐND ngày 11/7/2019
9	Chi mời cơm đại biểu tham dự	Người	80		300.000	24.000.000	
10	Chủ trì	2 Người/buổi	2		1.000.000	2.000.000	Nghị quyết số 85/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố ĐN
11	Thư ký	1 Người/buổi	2		250.000	500.000	
12	Báo cáo viên trình bày	Báo cáo	10		1.500.000	15.000.000	
13	Thành viên tham gia	người/buổi	66		150.000	9.900.000	Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
14	Chi phí in tài liệu, VPP Hội thảo	Bộ	80		100.000	8.000.000	
D	Buổi Hội thảo tại thành phố Đà Nẵng					153.000.000	153.000.000
1	Tiền vé máy bay khứ hồi cho các đại biểu trong nước	Vé	5		6.000.000	30.000.000	Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	Ghi chú
		Đơn vị	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		
2	Thuê phòng khách sạn cho các đại biểu là chuyên gia	5 Phòng/đêm	5		900.000	4.500.000		Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính, Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND TP
3	Chi nước uống giữa giờ	Người	100		20.000	2.000.000		
4	Thuê xe 7 chỗ đưa đón đại biểu là chuyên gia, khách mời từ các tỉnh khác về	Xe/02 ngày	2		2.000.000	4.000.000		
5	Chi mời cơm khách trước buổi hội thảo	Người	30		300.000	9.000.000		Nghị quyết số 240/2019/HĐND ngày 11/7/2019
6	Chi mời cơm khách ngày tổ chức Hội thảo	Người	100		300.000	30.000.000		
7	Chi phí thuê Hội trường, âm thanh, ánh sáng, màn hình Led, backdrop, băng rôn, standy...	Gói	1		20.000.000	20.000.000		
8	Chi phí in ấn giấy mời, bảng tên, gửi EMS...	Gói	1		10.000.000	10.000.000		Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
9	Hoa trang trí hội trường	Lăng, chậu	7		500.000	3.500.000		Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
10	Chủ trì Hội thảo	Người	2		1.000.000	2.000.000		Nghị quyết số 85/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND TP
11	Thư ký Hội thảo	Người	1		250.000	250.000		
12	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Báo cáo	8		1.500.000	12.000.000		
13	Thành viên tham gia Hội thảo	Người	90		150.000	13.500.000		
14	Chi phí in tài liệu, VPP Hội thảo	Bộ	100		100.000	10.000.000		Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
15	Chi phí bồi dưỡng cho phóng viên, báo chí đưa tin Hội thảo, cổng thông tin điện tử Bộ	Người	15		150.000	2.250.000		Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
E	Chi phí in ấn, photo, VPP, gửi EMS và chi phí khác phục vụ trong quá trình xây dựng chính sách					6.620.000	6.620.000	

Ghi chú: (*) Kinh phí xây dựng các chuyên đề thực hiện theo Nghị quyết số 85/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố ban hành các quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Phụ lục III

KINH PHÍ ĐẢM BẢO THAM MUÙ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI
NGHỊ QUYẾT SỐ 119/2020/QH14 NGÀY 19/6/2020 CỦA QUỐC HỘI

(Kèm theo Tờ trình số 116 /TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐƠN VỊ: SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Đơn vị đề nghị			Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
	TỔNG CỘNG				214.600.000	214.600.000	
1	Buổi làm việc với các Bộ, ngành liên quan (dự kiến 12 đợt)		12		189.600.000	189.600.000	
	<i>Kinh phí cho 01 đợt</i>				<i>15.800.000</i>		
-	Phương tiện đi lại	chuyến	2	6.600.000	13.200.000		Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
-	Phụ cấp lưu trú	ngày/ người	4	200.000	800.000		Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính, NQ 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND TP
-	Tiền thuê phòng nghỉ	ngày/phòng tiêu chuẩn 2 người/phòn g	2	900.000	1.800.000		
2	Chi phí in ấn, photo, VPP...và chi phí khác				25.000.000	25.000.000	Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm

(Chữ ký)



Phụ lục IV

KINH PHÍ ĐẢM BẢO THAM MUÙ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI
NGHỊ QUYẾT SỐ 119/2020/QH14 NGÀY 19/6/2020 CỦA QUỐC HỘI

(Kèm theo Tờ trình số 116 /TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐƠN VỊ: SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ý kiến của Sở Tài chính	Nguồn kinh phí thực hiện:		Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		Dự toán kinh phí năm 2023 chuyển sang (*)	Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	
	TỔNG CỘNG (A+B)					2.725.040.000	2.725.040.000	1.684.630.000	1.040.410.000	
A	Buổi làm việc với các Bộ, ngành Trung ương					2.126.000.000	2.126.000.000			
I	Kinh phí làm việc với các Vụ của Bộ KH&ĐT và tổ biên soạn xây dựng nghị quyết (dự kiến 06 buổi)					924.000.000	924.000.000			
	<i>Kinh phí 1 chuyển</i>					154.000.000				
1	Thuê phòng khách sạn	Phòng/đêm	6	5	900.000	27.000.000				Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính, NQ 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND TP
2	Tiền vé máy bay khứ hồi tham dự buổi làm việc tại Hà Nội	Người	6		8.000.000	48.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
3	Công tác phí	Người	6	5	200.000	6.000.000				Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính
4	Thuê xe 7 chỗ di chuyển tại Hà Nội	Xe	2	5	2.500.000	25.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
5	Chủ trì	Người	2	1	1.000.000	2.000.000				Quyết định số 85/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023
6	Thư ký	Người	2	1	250.000	500.000				
7	Báo cáo viên trình bày tại buổi làm việc	Báo cáo	5	1	1.500.000	7.500.000				
8	Thành viên tham gia buổi làm việc	Người	60	1	150.000	9.000.000				
9	Chi phí in tài liệu buổi làm việc	Bộ	60	1	150.000	9.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
10	Chi phí bồi dưỡng cho phóng viên, báo chí đưa tin Hội thảo, công thông tin điện tử Bộ	Người	10	1	500.000	5.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
11	Chi phí khác					15.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
II	Kinh phí làm việc với Vụ của Văn phòng Chính phủ (dự kiến 03 buổi)					295.500.000	295.500.000			
	<i>Kinh phí 1 chuyển</i>					98.500.000				

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ý kiến của Sở Tài chính	Nguồn kinh phí thực hiện:		Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		Dự toán kinh phí năm 2023 chuyển sang (*)	Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	
1	Thuê phòng khách sạn	Phòng/đêm	4	5	900.000	18.000.000				Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính, NQ 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND TP
2	Tiền vé máy bay khứ hồi tham dự buổi làm việc tại Hà Nội	Người	4		8.000.000	32.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
3	Công tác phí	Người	4	5	200.000	4.000.000				Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính
4	Thuê xe 7 chỗ di chuyển tại Hà Nội	Xe	2	5	2.500.000	25.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
5	Chi phí in tài liệu buổi làm việc	Bộ	30	1	150.000	4.500.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
6	Chi phí khác					15.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
III	Kinh phí làm việc với Bộ KH&ĐT và các Bộ, ngành liên quan (dự kiến 03 buổi)					421.500.000	421.500.000			
	Kinh phí 1 chuyến					140.500.000				
1	Thuê phòng khách sạn	Phòng/đêm	4	5	900.000	18.000.000				Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính, NQ 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND TP
2	Tiền vé máy bay khứ hồi cho các đại biểu trong nước	Người	4		8.000.000	32.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
3	Công tác phí	Người	4	5	200.000	4.000.000				Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính
4	Thuê xe 7 chỗ di chuyển tại Hà Nội	Xe	5	5	2.500.000	62.500.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
5	Chi phí in tài liệu Hội thảo	Bộ	60	1	150.000	9.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
6	Chi phí khác					15.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
IV	Kinh phí làm việc với các Ủy ban của Quốc hội (dự kiến 05 buổi)					485.000.000	485.000.000			
	Kinh phí 1 chuyến					97.000.000				
1	Thuê phòng khách sạn	Phòng/đêm	4	5	900.000	18.000.000				Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính, NQ 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND TP

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ý kiến của Sở Tài chính	Nguồn kinh phí thực hiện:		Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		Dự toán kinh phí năm 2023 chuyển sang (*)	Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	
2	Tiền vé máy bay khứ hồi tham dự buổi làm việc tại Hà Nội	Người	4		8.000.000	32.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
3	Công tác phí	Người	4	5	200.000	4.000.000				Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính
4	Thuê xe 7 chỗ đi chuyển tại Hà Nội	Xe	2	5	2.500.000	25.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
7	Chi phí in tài liệu buổi làm việc	Bộ	20	1	150.000	3.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
6	Chi phí khác					15.000.000				Theo hóa đơn thực tế trên tinh thần tiết kiệm
B	Kinh phí xây dựng các Chuyên đề					599.040.000	599.040.000			(**)
I	Chuyên đề 1: Cơ chế, chính sách cho áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với dự án đầu tư trong lĩnh vực: các bãi đỗ xe; cơ sở ương tạo, trung tâm nghiên cứu; văn hoá và thể thao					99.840.000	99.840.000			
1	Thực tế triển khai đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với dự án đầu tư					38.400.000				
-	Lĩnh vực Giao thông vận tải	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
-	Lĩnh vực Hạ tầng logistics	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
-	Lĩnh vực Hạ tầng thương mại (chợ, trung tâm hội chợ triển lãm)	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
-	Cơ sở ương tạo; trung tâm nghiên cứu, văn hoá và thể thao	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
2	Vướng mắc, bất cập		1			19.200.000				
-	Về cơ sở pháp lý	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
-	Về thực tiễn triển khai ở thành phố	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
3	Mục tiêu giải quyết vấn đề và các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề					23.040.000				
-	Mục tiêu giải quyết vấn đề	Thành viên chính	1	0,6		7.680.000				
		Thành viên	1	0,6		3.840.000				
-	Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề	Thành viên chính	1	0,6		7.680.000				

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ý kiến của Sở Tài chính	Nguồn kinh phí thực hiện:		Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		Dự toán kinh phí năm 2023 chuyển sang (*)	Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	
4	Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan	Thành viên	1	0,6		3.840.000				
		Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
5	Kiến nghị, đề xuất	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
II	Chuyên đề 2: Cơ chế, chính sách giao Hội đồng nhân dân thành phố quyết định tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư công đối với các dự án thuộc nhóm B theo lĩnh vực và tính chất dự án đầu tư và quyết định cho phép bố trí vốn đền bù, triển khai quy trình về thực hiện giải tỏa đền bù sau khi có quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công nhóm B còn lại					99.840.000	99.840.000			
1	Thực tế triển khai việc điều chỉnh quy hoạch thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050					19.200.000				
-	Về việc Điều chỉnh Quy hoạch thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
-	Về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thành viên	1	0,5		3.200.000				
		Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
2	Vướng mắc, bất cập					19.200.000				
-	Về cơ sở pháp lý	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
-	Về thực tiễn triển khai ở thành phố	Thành viên	1	0,5		3.200.000				
		Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
3	Mục tiêu giải quyết vấn đề và các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề					30.720.000				
-	Mục tiêu giải quyết vấn đề	Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
-	Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề	Thành viên	1	0,8		5.120.000				
		Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
		Thành viên	1	0,8		5.120.000				
4	Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan	Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
5	Kiến nghị, đề xuất	Thành viên	1	0,8		5.120.000				
		Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
		Thành viên	1	0,8		5.120.000				

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ý kiến của Sở Tài chính	Nguồn kinh phí thực hiện:		Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		Dự toán kinh phí năm 2023 chuyển sang (*)	Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	
III	Chuyên đề 3: Cơ chế, chính sách về ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược vào thành phố					99.840.000	99.840.000			
1	Thực tế triển khai việc tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư công đối với các dự án thuộc nhóm b theo lĩnh vực và tính chất dự án đầu tư và việc cho phép bố trí vốn đền bù, triển khai quy trình về thực hiện giải tỏa đền bù sau khi có quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công nhóm b còn lại					19.200.000				
-	Đối với việc tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư công đối với các dự án thuộc nhóm B theo lĩnh vực và tính chất dự án đầu tư có quy mô vốn giải tỏa đền bù trên 100 tỷ đồng	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
-	Đối với việc cho phép bố trí vốn đền bù, triển khai quy trình về thực hiện giải tỏa đền bù sau khi có quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công nhóm B còn lại	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
2	Vướng mắc, bất cập					19.200.000				
-	Về cơ sở pháp lý	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
-	Về thực tiễn triển khai ở thành phố	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
3	Mục tiêu giải quyết vấn đề và các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề					30.720.000				
-	Mục tiêu giải quyết vấn đề	Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
		Thành viên	1	0,8		5.120.000				
-	Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề	Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
		Thành viên	1	0,8		5.120.000				
4	Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan	Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
		Thành viên	1	0,8		5.120.000				
5	Kiến nghị, đề xuất	Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
		Thành viên	1	0,8		5.120.000				
IV	Chuyên đề 4: Đề án nghiên cứu, phân tích thực tế triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù tại các địa phương trong cả nước hiện nay (TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Nghệ An, tỉnh Thanh Hóa...) để đáp ứng việc đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng đối với thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới					99.840.000	99.840.000			
1	Thực tế triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù tại thành phố đà nẵng hiện nay					23.040.000				

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ý kiến của Sở Tài chính	Nguồn kinh phí thực hiện:		Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		Dự toán kinh phí năm 2023 chuyển sang (*)	Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	
1	Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 của Chính phủ quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng	Thành viên chính	1	0,3		3.840.000				
		Thành viên	1	0,3		1.920.000				
	Nghị định số 40/2022/NĐ-CP ngày 20/6/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2016/NĐ-CP của chính phủ quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng	Thành viên chính	1	0,3		3.840.000				
		Thành viên	1	0,3		1.920.000				
	Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng	Thành viên chính	1	0,3		3.840.000				
		Thành viên	1	0,3		1.920.000				
	Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội	Thành viên chính	1	0,3		3.840.000				
		Thành viên	1	0,3		1.920.000				
	Thực tế triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù tại các địa phương trong cả nước hiện nay (tp. hồ chí minh, tỉnh khánh hòa, tỉnh nghệ an, tỉnh thanh hóa...)					36.480.000				
2	Thực tế triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
	Thực tế triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù tại Khánh Hòa	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
	Thực tế triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù tại Thanh Hóa	Thành viên chính	1	0,3		3.840.000				
		Thành viên	1	0,3		1.920.000				
	Thực tế triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghệ An	Thành viên chính	1	0,3		3.840.000				
		Thành viên	1	0,3		1.920.000				
	Thực tế triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù tại một số địa phương khác	Thành viên chính	1	0,3		3.840.000				
		Thành viên	1	0,3		1.920.000				
3	đề xuất áp dụng đối với thành phố đà nẵng					21.120.000				
	Nội dung đề nghị áp dụng	Thành viên chính	1	0,6		7.680.000				
		Thành viên	1	0,6		3.840.000				
	Nội dung không đề xuất	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
	Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				
	Kiến nghị, đề xuất	Thành viên chính	1	0,5		6.400.000				
		Thành viên	1	0,5		3.200.000				

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ý kiến của Sở Tài chính	Nguồn kinh phí thực hiện:		Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		Dự toán kinh phí năm 2023 chuyển sang (*)	Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	
V	Chuyên đề 5: Cơ chế, chính sách được tổ chức đấu thầu đối với dự án đầu tư trong đó có diện tích đất do nhà nước quản lý trong khu đất thực hiện dự án, đất chưa được giải phóng mặt bằng và thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội					99.840.000	99.840.000			
1	Thực tế triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù tại thành phố Đà Nẵng hiện nay					23.040.000				
-	Về điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết 119/2020/QH14	Thành viên chính	1	0,3		3.840.000				
		Thành viên	1	0,3		1.920.000				
-	Về quản lý tài chính - ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết 119/2020/QH14	Thành viên chính	1	0,3		3.840.000				
		Thành viên	1	0,3		1.920.000				
-	Khó khăn, vướng mắc khi thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù	Thành viên chính	1	0,3		3.840.000				
		Thành viên	1	0,3		1.920.000				
-	Đánh giá chung	Thành viên chính	1	0,3		3.840.000				
		Thành viên	1	0,3		1.920.000				
2	Các cơ chế chính sách dự kiến đề xuất áp dụng cho thành phố Đà Nẵng					76.800.000				
-	Chính sách về quản lý đầu tư	Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
		Thành viên	1	0,8		5.120.000				
-	Chính sách về tài chính, ngân sách nhà nước, thuế, hải quan	Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
		Thành viên	1	0,8		5.120.000				
-	Chính sách về quy hoạch, đô thị và tài nguyên, môi trường	Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
		Thành viên	1	0,8		5.120.000				
-	Chính sách về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo	Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
		Thành viên	1	0,8		5.120.000				
-	Cơ chế, chính sách tiền lương và tổ chức bộ máy chính quyền của thành phố	Thành viên chính	1	0,8		10.240.000				
		Thành viên	1	0,8		5.120.000				
VI	Chuyên đề 6: Đề án Xây dựng nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng					99.840.000	99.840.000			
	Phần I - Sự cần thiết, cơ sở, quan điểm và mục tiêu xây dựng đề án					15.360.000				
1	Sự cần thiết và cơ sở xây dựng đề án	Thành viên chính	1	0,1		1.280.000				
		Thành viên	1	0,1		640.000				
2	Quan điểm, mục tiêu xây dựng đề án					3.840.000				
-	Quan điểm xây dựng đề án	Thành viên chính	1	0,1		1.280.000				

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ý kiến của Sở Tài chính	Nguồn kinh phí thực hiện:		Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		Dự toán kinh phí năm 2023 chuyển sang (*)	Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	
		Thành viên	1	0,1		640.000				
-	Mục tiêu xây dựng đề án	Thành viên chính	1	0,1		1.280.000				
		Thành viên	1	0,1		640.000				
3	Kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù theo các văn bản của quốc hội, chính phủ					5.760.000				
-	Công tác tuyên truyền, triển khai, quán triệt thực hiện	Thành viên chính	1	0,1		1.280.000				
		Thành viên	1	0,1		640.000				
-	Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai	Thành viên chính	1	0,1		1.280.000				
		Thành viên	1	0,1		640.000				
-	Kết quả thực hiện trên các lĩnh vực cụ thể	Thành viên chính	1	0,1		1.280.000				
		Thành viên	1	0,1		640.000				
4	Đánh giá chung					3.840.000				
-	Những điểm sáng cần tiếp tục phát huy	Thành viên chính	1	0,1		1.280.000				
		Thành viên	1	0,1		640.000				
-	Những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện	Thành viên chính	1	0,1		1.280.000				
		Thành viên	1	0,1		640.000				
	Phần II - các nội dung đề xuất cụ thể về cơ chế, chính sách thí điểm tạo động lực phát triển thành phố đà nẵng					84.480.000				
1	Đánh giá chung	Thành viên chính	1	0,2		2.560.000				
		Thành viên	1	0,2		1.280.000				
2	Chính sách về quản lý đầu tư					11.520.000				
-	Về thí điểm tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công	Thành viên chính	1	0,2		2.560.000				
		Thành viên	1	0,2		1.280.000				
-	Về thí điểm các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực thể thao và văn hóa, hạ tầng thương mại (chợ)	Thành viên chính	1	0,2		2.560.000				
		Thành viên	1	0,2		1.280.000				
-	Về cơ chế quản lý và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp đã được đầu tư công	Thành viên chính	1	0,2		2.560.000				
		Thành viên	1	0,2		1.280.000				
3	Chính sách về tài chính, ngân sách nhà nước, thuế, hải quan					15.360.000				
-	Về thí điểm chính sách về nợ chính quyền địa phương	Thành viên chính	1	0,2		2.560.000				
		Thành viên	1	0,2		1.280.000				
-	Về thí điểm cơ chế tài chính đặc thù khi thực hiện Chính quyền đô thị tại Ủy ban nhân dân quận, phường	Thành viên chính	1	0,2		2.560.000				
		Thành viên	1	0,2		1.280.000				

STT	Nội dung	Đơn vị đề nghị					Ý kiến của Sở Tài chính	Nguồn kinh phí thực hiện:		Ghi chú
		Đơn vị/ chức danh	Số lượng	số ngày/thời gian thực hiện	Đơn giá	Thành tiền		Dự toán kinh phí năm 2023 chuyển sang (*)	Ngân sách thành phố bổ sung năm 2024	
-	ngành đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ương tạo, khu làm việc chung; chi phí ương tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Thành viên	1	0,2		1.280.000				
-	Thí điểm về đầu tư, quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo	Thành viên chính	1	0,2		2.560.000				
		Thành viên	1	0,2		1.280.000				
-	Về thí điểm cơ chế tuyển dụng, tiền lương, tiền công; miễn giảm thuế thu nhập, hỗ trợ tài chính; cơ chế hoạt động đầu tư công cho Trung tâm tính toán hiệu năng cao để hỗ trợ cho lĩnh vực bán dẫn vi mạch và trí tuệ nhân tạo; cơ chế đặc thù về quản lý, sử dụng tài sản công; cơ chế đặc thù về đào tạo, thu hút nhân lực cho lĩnh vực bán dẫn vi mạch và trí tuệ nhân tạo	Thành viên chính	1	0,2		2.560.000				
		Thành viên	1	0,2		1.280.000				
7	Cơ chế, chính sách về tiền lương, thu nhập					7.680.000				
-	Về thí điểm quyết định bố trí ngân sách thành phố để chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách phường, xã, người lao động	Thành viên chính	1	0,2		2.560.000				
		Thành viên	1	0,2		1.280.000				
-	Về thí điểm quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của thành phố	Thành viên chính	1	0,2		2.560.000				
		Thành viên	1	0,2		1.280.000				

Ghi chú:

(*) Theo Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND thành phố và Thông báo số 85/TB-STC ngày 28/5/2024 của Sở Tài chính về thẩm định quyết toán ngân sách năm 2023.

(**) Kinh phí xây dựng các chuyên đề thực hiện theo Nghị quyết số 85/2023/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố ban hành các quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.